

PART I. Pronunciation – Vocabulary – Communication

A. Trọng âm (2 câu)

Chọn từ có trọng âm chính rơi vào **âm tiết khác** so với ba từ còn lại.

1. A. *donate*
B. *boost*
C. *raise*
D. *deliver*

2. A. *community*
B. *confident*
C. *cheerful*
D. *practical*

B. Phát âm (2 câu)

Chọn từ có phần gạch chân được phát âm **khác**.

3. A. *cheerful*
B. *confidence*
C. *involved*
D. *life-saving*

4. A. *community*
B. *generous*
C. *announcement*
D. *non-governmental*

C. Vocabulary – Multiple Choice (5 câu)

Chọn đáp án đúng nhất.

5. Many students volunteer to _____ food to people in remote areas.
A. *donate*
B. *deliver*

C. raise
D. boost

6. Doing community service helps students build their _____ and teamwork skills.
A. confidence
B. confused
C. various
D. access

7. A(n) _____ organization works without the control of the government.
A. generous
B. non-governmental
C. remote
D. life-saving

8. They are trying to _____ money for the local orphanage.
A. raise
B. cheer
C. practical
D. boost

9. Helping others often makes you feel more _____ and positive.
A. confused
B. cheerful
C. orphanage
D. involved

D. Matching – Situational Responses (5 câu)

Nối câu hỏi ở cột A với câu trả lời thích hợp ở cột B.
(Con chỉ cần ghi A–B, B–D, ...)

A – Questions

10. "Could you help us prepare gifts for the children?"
11. "Where will the volunteers deliver the donated clothes?"
12. "Why do you want to participate in this community service?"
13. "Do you know any NGOs in our city?"
14. "How can we boost students' confidence?"

B – Responses

- a. "Because I want to help people in need."
- b. "Sure, I'd love to be involved."
- c. "By giving them more chances to practice speaking."
- d. "They will be sent to families in remote villages."
- e. "Yes, there are various non-governmental groups here."

PART II. When / While – QKD vs. QKTD (5 câu)

Điền **when** hoặc **while** và chia động từ đúng thì Quá khứ đơn / Quá khứ tiếp diễn.

- 15. I _____ (walk) to school _____ I saw a big announcement on the board.
- 16. She _____ (help) at the orphanage _____ her friends arrived.
- 17. _____ we _____ (wait) for the bus, it started to rain.
- 18. They _____ (do) community service _____ the teacher called them.
- 19. He hurt his hand _____ he _____ (deliver) boxes to the center.

PART III. Chia động từ – Hiện tại đơn / Hiện tại tiếp diễn (5 câu)

- 20. She usually _____ (participate) in volunteer activities every weekend.
- 21. Look! The students _____ (raise) money for a life-saving project.
- 22. My school _____ (have) many community service programs.
- 23. They _____ (work) with an NGO this week.
- 24. I _____ (not/donate) money regularly, but I want to start now.